

Số: 270/2019/DS-PT

Ngày: 01/10/2019

V/v: tranh chấp đòi chi phí
xây nhà; tranh chấp quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương
Ông Nguyễn Thế Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm
sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLPT-DS ngày 23/8/2019 về tranh
chấp đòi chi phí xây nhà; tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án
nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2019/QĐ-PT ngày
12/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1963

Bà Đinh Thị Hồng L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường C, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố BL, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Diễm L, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1970 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà a, khu phố b, Phường C, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Mỹ H1

(Ông H, bà L và bà H1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn là ông Trần quốc H và bà Đinh Thị Hồng L trình bày: Vào ngày 19/9/2013 ông H, bà L có ký hợp đồng chuyển nhượng với bà Nguyễn Thị Diễm L để mua thửa đất số 01, tờ bản đồ số 28 với diện tích 156,78m², tọa lạc tại Phường 6, thành phố BT với giá 53.325.000 đồng. Trước khi bà L bán cho vợ chồng ông H phần đất này thì bà L có bán cho bà H1 và làm đặt cọc với bà H1 vào ngày 21/7/2011 nên vào khoảng tháng 5/2012 thì bà H1 có thuê ông H xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất. Quá trình xây dựng thì ông H có bỏ ra số tiền mua vật tư là 150.993.000 đồng tuy nhiên bà H1 không thanh toán cho ông số tiền này. Mặt khác, do bà H1 không có khả năng thanh toán tiền đất cho bà L nên giữa bà L và bà H1 đã thỏa thuận hủy hợp đồng đặt cọc. Bà H1 có làm tờ cam kết đồng ý giao lại nhà, đất cho bà L để bà L bán cho ông H, bà L. Nếu bà H1 không có nhà và đất nào khác thì ông H, bà L đồng ý cho bà H1 sử dụng thửa đất số 01 tờ bản đồ số 28 có diện tích qua đo đạc thực tế là 167,5m² và bà H1 phải trả lại giá trị đất cho ông H, bà L với số tiền là 192.500.000 đồng. Nếu bà H1 không đồng ý nhận giá trị đất thì ông H, bà L đồng ý trả lại trị giá căn nhà theo như giá của Hội đồng định giá cho bà H1. Ông H, bà L không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà H1.

Bị đơn là bà Trần Thị Mỹ H1 trình bày: Bà H1 chỉ đồng ý trả lại giá trị đất cho ông H, bà L còn căn nhà thuộc quyền sở hữu của bà H1. Vì ngoài cawnn hà này thì bà không có nhà đất nào khác. Số tiền mua vật tư xây dựng là 105.993.000 đồng thì bà H1 đã trả tiền cho ông H hàng tuần. Bà H1 có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông H, bà L trả lại cho bà tổng số tiền là 30.700.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan là bà Nguyễn Thị Diễm L trình bày: Bà không còn L quan gì đến thửa đất tranh chấp nên bà yêu cầu vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan là ông Nguyễn Quốc Tr trình bày: Ông không có yêu cầu gì nên ông yêu cầu vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2016/DS-ST ngày 29/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L đối với bà Trần Thị Mỹ H1 về tranh chấp quyền sở hữu nhà và tranh chấp quyền sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Mỹ H1 đối với ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L về số tiền 30.700.000 đồng.

Bà Trần Thị Mỹ H1 được trọn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà có diện tích 77,5m² tọa lạc trên phần đất có diện tích 167,5m² và phần đất có diện tích 167,5m²

thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khu phố Bình Lợi, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Trần Thị Mỹ H1 phải trả cho ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L giá trị phần đất có diện tích 167,5m² là 142.250.000 đồng.

Buộc ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L phải chịu trách nhiệm L đới trả cho bà Trần Thị Mỹ H1 số tiền 30.700.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H1 đối với bà Nguyễn Thị Diễm L về số tiền 9.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 332/2016/DS-PT ngày 08/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2016/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L đối với bà Trần Thị Mỹ H1 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”.

Buộc bà Trần Thị Mỹ H1 phải giao trả cho ông Trần Quốc H, bà Đinh Thị Hồng L căn nhà có diện tích 77,5m² nằm trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre và phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 167,5m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 28, tại phường 6, thành phố Bến tre.

Bà Trần Thị Mỹ H1 được quyền lưu cư trong 06 tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm tuyên. Bà H1 không được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thay đổi kết cấu căn nhà so với tình trạng được ghi trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2014.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị Mỹ H1 đối với ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L về số tiền 30.700.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H1 đối với bà Nguyễn Thị Diễm L về số tiền 9.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 228/2018/DS-GĐT ngày 27/6/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 332/2016/DS-PT ngày 08/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2016/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi H giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; 35, 39, 217, 273 và 280 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26, 100, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L. Buộc bà Trần Thị Mỹ H1 phải hoàn trả lại tổng số tiền 357.319.000 đồng (trong đó trị giá đất là 192.500.000 đồng, tiền chi phí xây nhà và lãi suất là 164.819.000 đồng) cho ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L.

Bà Trần Thị Mỹ H1 được trọn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 28, diện tích 167,5m², tọa lạc tại khu phố Bình Lợi, Phường 6, thành phố BT, tỉnh Bến Tre hiện do ông Trần Quốc H đứng tên. Trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 77,5m² và một ngôi mộ xi măng có diện tích 2,8m².

Bà Trần Thị Mỹ H1 tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L đối với bị đơn Trần Thị Mỹ H1 về quyền sở hữu tài sản là căn nhà.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bị đơn bà Trần Thị Mỹ H1 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Diễm L đối với số tiền 9.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị Mỹ H1 đối với nguyên đơn ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L số tiền 30.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 19/7/2019 bà Trần Thị Mỹ H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà L giữ yêu cầu khởi kiện, bà H1 không đồng ý với yêu cầu của ông H, bà L và giữ kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Tòa sơ thẩm chưa

xem xét số tiền bà H1 có yêu cầu là 30.700.000 đồng, là chưa đảm bảo quyền lợi của bà H1. Đề nghị HĐXX chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà H1, hủy 1 phần bản án sơ thẩm đối với phần L quan đến số tiền đặt cọc và lãi phát sinh mà bà H1 đã trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ H1 và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Vợ chồng ông H, bà L yêu cầu bà H1 trả lại chi phí xây dựng căn nhà là 105.993.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/5/2013 đến ngày 01/6/2019 theo mức 0,75%/tháng. Bà H1 không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng ông H và có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông H trả cho bà H1 số tiền đặt cọc và tiền đóng ngân hàng thay cho bà L là 30.700.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu của ông H, bà L về việc buộc bà H1 trả lại chi phí xây dựng nhà là 105.993.000 đồng và tiền lãi suất là 58.826.000 đồng: Bà H1 không đồng ý với yêu cầu này của ông H, bà L. Ông H cung cấp chứng cứ là các hóa đơn mua vật tư để xây dựng căn nhà, các hóa đơn này là bản chính với tổng cộng số tiền là 114.351.000 đồng. Ngoài ra, các chi phí khác như tiền vận chuyển là 4.972.000 đồng; tiền công thợ là 27.350.000 đồng; tiền công sơn nước là 4.500.000 đồng. Các hóa đơn chứng từ mà ông H cung cấp phù hợp với lời khai của người làm chứng đã xác nhận chính ông H là người trực tiếp giao dịch và trả tiền. Theo kết quả định giá ngày 31/7/2015 thì căn nhà, tường rào và sân có giá trị là 185.535.000 đồng. Ông H cho rằng chi phí bỏ ra xây dựng ngôi nhà là 174.000.000 đồng còn bà H1 cho rằng chi phí là 325.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của ông H về chi phí xây dựng căn nhà cũng gần bằng kết quả định giá. Do đó, lời trình bày của ông H là có căn cứ. Ông H, bà L thừa nhận bà H1 có đưa số tiền là 45.000.000 đồng nên bà H1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho vợ chồng ông H số tiền là 105.993.000 đồng. Do bà H1 chậm thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông H và mức lãi suất mà ông H, bà L yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu tính tính lãi suất của ông H, bà L là có cơ sở. Buộc bà H1 phải thanh toán số tiền lãi suất 0,75% từ ngày 01/5/2013 đến ngày 01/6/2019 là 74 tháng với số tiền là 58.826.000 đồng là phù hợp

[3] Vợ chồng ông H, bà L yêu cầu bà H1 trả lại phần đất. Chứng cứ mà ông H đưa ra là văn bản Hủy hợp đồng đặt cọc giữa bà Nguyễn Thị Diễm L và bà Trần Thị Mỹ H1 vào ngày 23/4/2013; Tờ cam kết ngày 23/4/2013 của bà Trần Thị Mỹ H1; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Diễm L và ông Trần Quốc H vào ngày 19/9/2013; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng

tên ông Trần Quốc H, bà Đinh Thị Hồng L. Những chứng cứ này có căn cứ để xác định việc ông H, bà L nhận chuyển nhượng phần đất của bà L là hợp pháp. Do đó, phần đất thuộc quyền sử dụng của ông H, bà L. Bản án sơ thẩm đã xem xét đến nhu cầu về chỗ ở của bà H1 nên đã buộc bà H1 trả lại tài sản tranh chấp bằng giá trị là phù hợp. Tuy nhiên, theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 16/5/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bến Tre thì thửa đất số 01, tờ bản đồ số 28 có diện tích là $167,5m^2$ bao gồm $13,4m^2$ là đất của người khác. Diện tích đất thực tế còn lại của thửa số 1, tờ bản đồ số 28 là $154,1m^2$ ($167,5m^2 - 13,4m^2$). Bản án sơ thẩm đã tính luôn giá trị của tổng diện tích đất $167,5m^2$ là không phù hợp, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1. Nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần này. Theo kết quả định giá thì thửa đất tranh chấp có giá 1.000.000 đồng/ m^2 đối với đất vườn và 1.500.000 đồng/ m^2 đối với đất thổ cư. Như vậy, thửa đất có giá là $[(154,1m^2 - 50m^2) \times 1.000.000đ + (50m^2 \times 1.500.000đ)] = 179.100.000$ đồng.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà H1 buộc ông H, bà L trả số tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng, tiền đóng lãi ngân hàng thay cho bà L là 11.700.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền đóng thay cho ông Tr, tổng cộng là 30.700.000 đồng. Khi bà L ký hợp đồng chuyển nhượng với ông H thì bà L đã tách cho ông Dũng phần đất có diện tích là $20,9m^2$, ông H chỉ mua của bà L $156,7m^2$. Bà L và bà H1 đều thừa nhận là bà L bán cho bà H1 phần đất có diện tích $177,6m^2$ với giá 70.000.000 đồng, còn số tiền lãi vay của ông Tr là thỏa thuận riêng của bà L và bà H1. Bà L thừa nhận có nhận của bà H1 số tiền 9.000.000 đồng nên bà H1 có quyền yêu cầu bà L trả số tiền này. Cũng theo hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L và ông H, bà L thì các bên không thỏa thuận nội dung ông H, bà L phải trả tiền cọc và đóng tiền lãi suất ngân hàng cho bà H1. Do đó, yêu cầu phản tố của bà H1 về việc buộc ông H, bà L phải trả cho bà H1 số tiền trên là không có căn cứ. Trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, bà H1 có đơn yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thị Diễm L phải trả số tiền 9.000.000 đồng, tuy nhiên bà H1 đã rút yêu cầu này đối với bà L. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa để nghị hủy bản án đối với nội dung này. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy, sau này nếu có tranh chấp bà H1 có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

Về giá trị của thửa đất: Ông H, bà L đồng ý với mức giá của Hội đồng định giá. Bà H1 không đồng ý mức giá mà Hội đồng định giá đã định vào ngày 07/3/2019, bà H1 chỉ đồng ý theo giá mà Hội đồng định giá vào ngày 15/7/2015. Tuy nhiên, bà H1 lại không yêu cầu định giá lại, do đó buộc bà H1 phải thanh toán trị giá thửa đất theo giá của Hội đồng định giá ngày 07/3/2019 là phù hợp.

[5] Bà H1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Hội đồng xét xử sửa một phần bản án như đã nhận định ở trên. Bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ H1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 255, 261, 358 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 26, 100, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L. Buộc bà Trần Thị Mỹ H1 phải hoàn trả lại tổng số tiền 343.919.000 đồng (trong đó trị giá đất là 179.100.000 đồng, tiền chi phí xây nhà và lãi suất là 164.819.000 đồng) cho ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L.

Bà Trần Thị Mỹ H1 được trọn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 28, diện tích 154,1m², tọa lạc tại khu phố Bình Lợi, Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hiện do ông Trần Quốc H đứng tên. Trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 77,5m² và một ngôi mộ xi măng có diện tích 2,8m² (có họa đồ kèm theo).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Trần Quốc H, bà Đinh Thị Hồng L cho bà Trần Thị Mỹ H1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L đối với bị đơn Trần Thị Mỹ H1 về quyền sở hữu tài sản là căn nhà.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bị đơn bà Trần Thị Mỹ H1 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Diễm L đối với số tiền 9.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị Mỹ H1 đối với nguyên đơn ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L số tiền 30.700.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc H và bà Đinh Thị Hồng L được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại số tiền 8.637.500 đồng theo biên lai số 002732 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Bà Trần Thị Mỹ H1 phải chịu án tổng số tiền là 18.730.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 542.500 đồng theo biên lai thu số 0012055 ngày 04/4/2016 và số tiền 225.000 đồng theo biên lai thu số 0012056 ngày 04/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Trần Thị Mỹ H1 còn phải nộp tiếp số tiền là 17.962.500 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ H1 số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà H1 đã nộp biên lai thu số 0005077 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

